

UBND THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH
NỘI DUNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH THAY THẾ QUYẾT ĐỊNH SỐ 31/2025/QĐ-UBND NGÀY 29 THÁNG 8 NĂM 2025 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI VỀ ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI ĐỐI VỚI VẬT NUÔI LÀ THỦY SẢN HOẶC VẬT NUÔI KHÁC MÀ KHÔNG THỂ DI CHUYỂN ĐƯỢC KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

QUYẾT ĐỊNH SỐ 31/2025/QĐ-UBND	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH THAY THẾ	THUYẾT MINH
1/ Phần thứ 1: Quyết định 31/2025/QĐ-UBND		
Phần căn cứ ban hành	Bổ sung, cập nhật căn cứ pháp lý mới	Cập nhật Nghị quyết số 254/2025/QH15; Nghị quyết số 30/2026/QH16 về thành lập thành phố Đồng Nai; cập nhật Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung; Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung và các văn bản có liên quan; đồng thời thay đổi cơ quan ban hành từ UBND tỉnh sang UBND thành phố Đồng Nai.
Điều 1. Ban hành kèm theo Quy định	Giữ cơ bản nội dung.	Điều chỉnh tên địa bàn áp dụng từ "tỉnh Đồng Nai" thành "thành phố Đồng Nai"; thống nhất kỹ thuật trình bày.
Điều 2. Hiệu lực thi hành	Quy định hiệu lực và thay thế Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND.	Thay thế quy định cũ, xác định rõ Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định mới có hiệu lực.
Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp	Sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển tiếp.	Bổ sung quy định xử lý đối với thông báo thu hồi đất ban hành trước ngày 01/8/2024 theo Nghị quyết số 254/2025/QH15; bảo

		đảm thống nhất với Luật Đất đai năm 2024 và Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.
Điều 4. Tổ chức thực hiện	Điều chỉnh cơ quan chịu trách nhiệm thi hành.	Cập nhật theo mô hình chính quyền địa phương mới; điều chỉnh tên các cơ quan cho phù hợp sau sắp xếp tổ chức bộ máy.
2/ Phần thứ 2: Quy định		
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Giữ nguyên nội dung, điều chỉnh địa danh.	Không thay đổi về chính sách; chỉ cập nhật từ "tỉnh Đồng Nai" thành "thành phố Đồng Nai".
Điều 2. Nguyên tắc bồi thường	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 5.	Thay cụm từ "bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm" bằng "bồi thường theo đơn giá quy định tại Quy định này"; bổ sung quy định không bồi thường đối với vật nuôi trên đất sử dụng sai mục đích đã bị xử lý nhưng chưa khắc phục. Làm rõ điều kiện áp dụng, thuận lợi trong tổ chức thực hiện.
Điều 3. Quy định bồi thường	Đổi tên thành "Mức bồi thường theo thời gian nuôi"; bổ sung khoản 3.	Chuẩn hóa cách diễn đạt; bổ sung quy định không bồi thường đối với vật nuôi đã trên 80% chu kỳ nuôi hoặc đủ điều kiện thu hoạch nhằm tránh phát sinh bồi thường không phù hợp thực tế.
Điều 4. Đơn giá bồi thường vật nuôi là thủy sản	Điều chỉnh một số đơn giá.	Rà soát, cập nhật đơn giá trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, giá giống, thức ăn và chi phí thực tế; đồng thời chuẩn hóa tên gọi một số hình thức nuôi. Một số mức đơn giá được điều chỉnh tăng để phù hợp tình hình thực tế.
Điều 5. Điều kiện được bồi thường	Giữ nguyên.	Không thay đổi chính sách.
Điều 6. Giá trị và đơn giá bồi thường đối với chim yến	Giữ nguyên.	Không thay đổi phương pháp xác định giá trị và mức đơn giá bồi thường.

Điều 7. Trách nhiệm thực hiện	Sửa đổi nội dung rà soát đơn giá.	Thay cơ chế UBND cấp xã phối hợp đề xuất bằng cơ chế Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì rà soát khi giá giống, thức ăn hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật biến động từ 10% trở lên, bảo đảm chủ động cập nhật đơn giá.
Điều 8. Sửa đổi, bổ sung	Hoàn thiện quy định xử lý vướng mắc.	Quy định rõ trách nhiệm phản ánh, hướng dẫn, tổng hợp và báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường; chuẩn hóa kỹ thuật trình bày theo quy định hiện hành.